

CHUYÊN VIÊN CAO CẤP PHÂN TÍCH

Bùi Thị Quỳnh Nga

ngabui@phs.vn

XUẤT KHẨU BỨT PHÁ NGAY TỪ ĐẦU NĂM

- Hoạt động xuất nhập khẩu tháng 1 đã có một khởi đầu đầy hứa hẹn ngay từ đầu năm với mức tăng trưởng đầy tiềm năng của các mặt hàng chủ lực bao gồm Đồ điện tử, Nông lâm thủy sản và Sắt thép.
- Nhu cầu nhập khẩu từ các đối tác thương mại chính vẫn cho thấy sự cải thiện qua từng tháng.
- Mục tiêu xuất khẩu năm 2024 tăng 8% so với năm 2023 như PHS dự báo là khả thi.

Xuất nhập khẩu tiếp tục ghi nhận những tín hiệu khả quan. Cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng lần lượt 7.7% và 4.3% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tăng lần lượt 46.2% và 34.6%, cao hơn so với mức tăng ước tính của Tổng cục Thống kê đưa ra trước đó (XK: 42% YoY và NK: 33.3% YoY). Theo đó, cán cân thương mại ghi nhận mức thặng dư trong tháng 1 là 3.63 tỷ USD.

Xét theo khu vực, kim ngạch xuất khẩu của khu vực trong nước cho thấy những mức tăng mạnh mẽ bắt đầu kể từ giữa năm 2023. Tăng trưởng xuất khẩu của khu vực trong nước đã sớm quay lại mức tăng trưởng dương từ tháng 7/2023. Trong khi đó, tăng trưởng xuất khẩu của khu vực FDI phải kéo dài đến tháng 10/2023 mới cho thấy sự hồi phục.

Xét về đối tác xuất khẩu: Ngoại trừ Trung Quốc, xuất khẩu sang các đối tác lớn của Việt Nam đều ghi nhận mức tăng trưởng 2 con số so với tháng trước mặc dù đã qua giai đoạn nhập khẩu đỉnh điểm, phục vụ cho các ngày lễ lớn trong năm của các nước phương Tây. Thị trường Mỹ (tăng 63.4% so với cùng kỳ) và EU (tăng 39.7% YoY) là 2 thị trường đóng góp chính vào tăng trưởng xuất khẩu trong tháng 1.

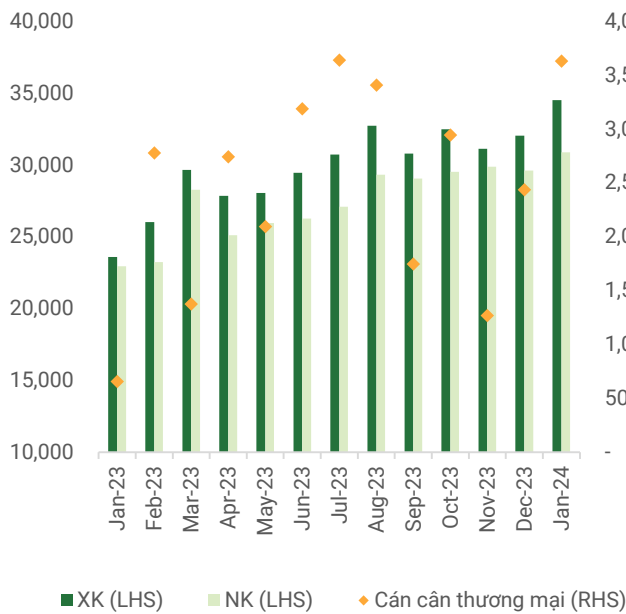
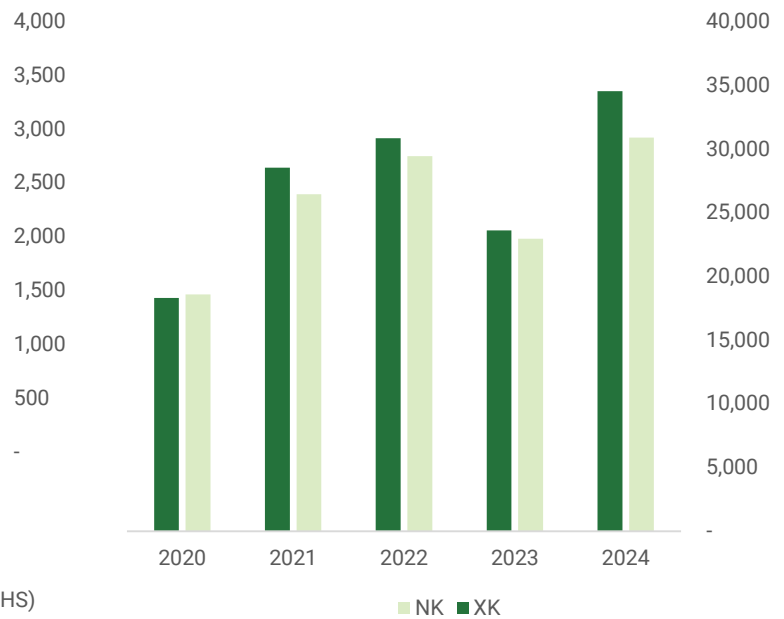
Xét theo các mặt hàng chủ lực: Bên cạnh mức tăng trưởng vượt bậc của nhóm hàng Nông sản, Đồ điện tử và Sắt thép, hầu hết các mặt hàng xuất khẩu còn lại cũng đều ghi nhận mức kim ngạch xuất khẩu tốt nhất trong một năm trở lại đây, bứt phá ngay trong tháng đầu tiên của năm 2024.

Bảng 1: Tình hình thương mại tháng 01/2024.

	Tỷ trọng	Nov-23	Dec-23	Jan-24	YTD
Kim ngạch Xuất khẩu (Triệu USD)		31,149	32,063	34,531	34,531
<i>Khu vực FDI</i>	72%	22,290	22,500	24,870	24,870
<i>Khu vực trong nước</i>	28%	8,859	9,563	9,661	9,661
Kim ngạch Nhập khẩu (Triệu USD)		29,881	29,624	30,898	30,898
<i>Khu vực FDI</i>	64%	19,028	18,502	19,651	19,651
<i>Khu vực trong nước</i>	36%	10,853	11,121	11,248	11,248
Cán cân thương mại (Triệu USD)		1,268	2,439	3,632	3,632
Tăng trưởng Xuất khẩu (YoY)		6.5%	10.1%	46.2%	46.2%
Tăng trưởng Nhập khẩu (YoY)		6.1%	8.2%	34.6%	34.6%
Xuất khẩu sang các thị trường lớn					
<i>Mỹ</i>	29%	10.0%	11.7%	63.4%	63.4%
<i>Trung Quốc</i>	13%	7.4%	9.5%	17.7%	17.7%
<i>EU</i>	13%	2.2%	6.2%	39.7%	39.7%
Import khẩu từ các thị trường lớn					
<i>Trung Quốc</i>	38%	15.9%	22.9%	64.4%	64.4%
<i>Hàn Quốc</i>	14%	1.2%	5.5%	7.2%	7.2%
<i>ASEAN</i>	12%	-9.9%	-10.5%	19.9%	19.9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, xuất nhập khẩu tiếp tục ghi nhận những tín hiệu khả quan. Cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng lần lượt 7.7% và 4.3% so với cùng kỳ tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tăng lần lượt 46.2% và 34.6%, cao hơn so với mức tăng ước tính của Tổng cục Thống kê đưa ra trước đó (XK: 42% YoY và NK: 33.3% YoY). Tăng trưởng xuất nhập khẩu tháng 1 tăng mạnh một phần do yếu tố nền thấp của tháng 01/2023 (Tết nguyên đán 2023). Tuy nhiên, so với tháng 1 cùng kỳ các năm trước, kim ngạch xuất khẩu tháng 1 năm nay vẫn được ghi nhận là mức xuất khẩu kỷ lục từ trước đến nay. **Theo đó, cán cân thương mại ghi nhận mức thặng dư trong tháng 1 là 3.63 tỷ USD.**

Hình 1: Kim ngạch XNK hàng tháng (triệu USD)

Hình 2: Kim ngạch Xuất và Nhập khẩu tính tới ngày 31/01


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

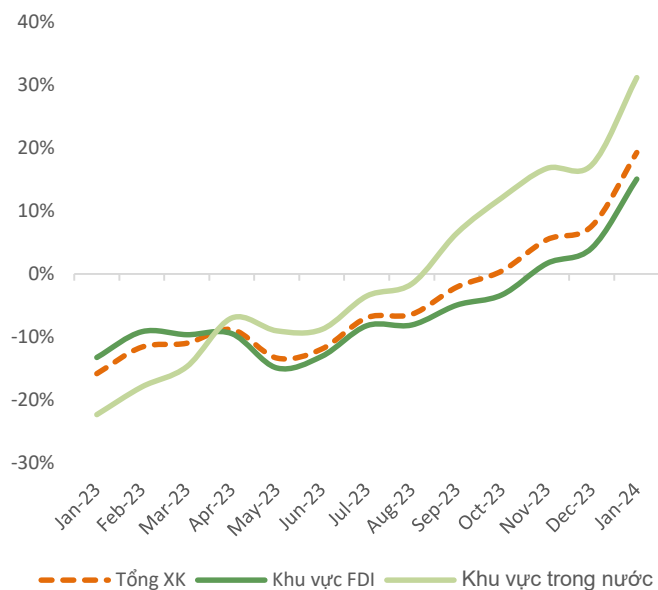
Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Xét theo khu vực, kim ngạch xuất khẩu của khu vực trong nước cho thấy những mức tăng mạnh mẽ bắt đầu kể từ giữa năm 2023. Tăng trưởng xuất khẩu của khu vực trong đã nước sớm quay lại mức tăng trưởng dương từ tháng 7/2023. Trong khi đó, tăng trưởng xuất khẩu của khu vực FDI phải kéo dài đến tháng 10/2023 mới cho thấy sự hồi phục.

Để đáp ứng cho sự hồi phục của xuất khẩu, nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất cũng cho thấy sự tăng lên ở cả khu vực trong nước lẫn FDI. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu của khu vực trong nước trong tháng 1 ghi nhận 11.2 tỷ USD, tăng 15.1% so với bình quân kim ngạch nhập khẩu mỗi tháng của năm 2023. Điều này cho chúng ta thấy những kỳ vọng lạc quan hơn về sản xuất cũng như xuất khẩu trong các tháng tới. Tuy nhiên, nó cũng đã phần nào gây áp lực lên tỷ giá USDVND trong giai đoạn này (**chi tiết xem thêm tại báo cáo Cập nhật tỷ giá USDVND tháng 2 của PHS**)

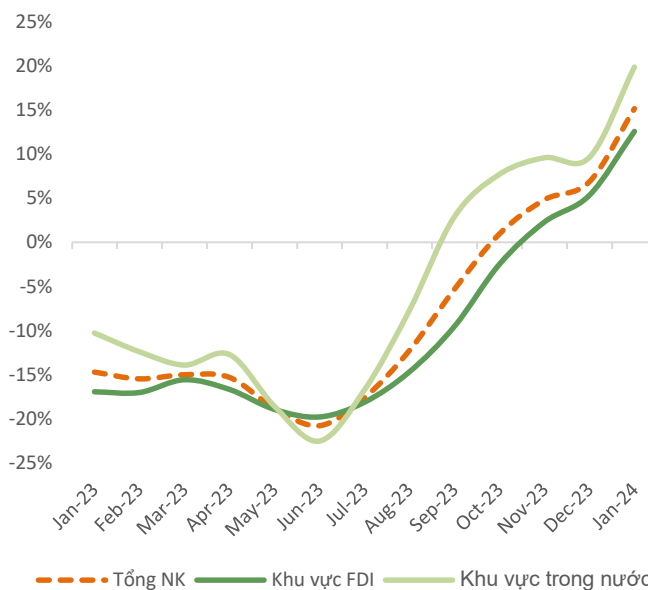
Số liệu PMI tháng 1 của Việt Nam đã quay trở lại trên ngưỡng 50 điểm, cho thấy sức khỏe của khu vực sản xuất được cải thiện sau 5 tháng, các đơn hàng đã bắt đầu quay trở lại mặc dù cũng vẫn còn đang yếu. Đây là tín hiệu lạc quan cho đầu năm 2024 sau sự sụt giảm của khu vực sản xuất trong nước vào năm 2023, với chỉ số PMI duy trì dưới ngưỡng 50 trong 9/12 tháng.

Hình 3: Tăng trưởng XK theo khu vực bình quân 3 tháng liền kề (%YoY)



Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

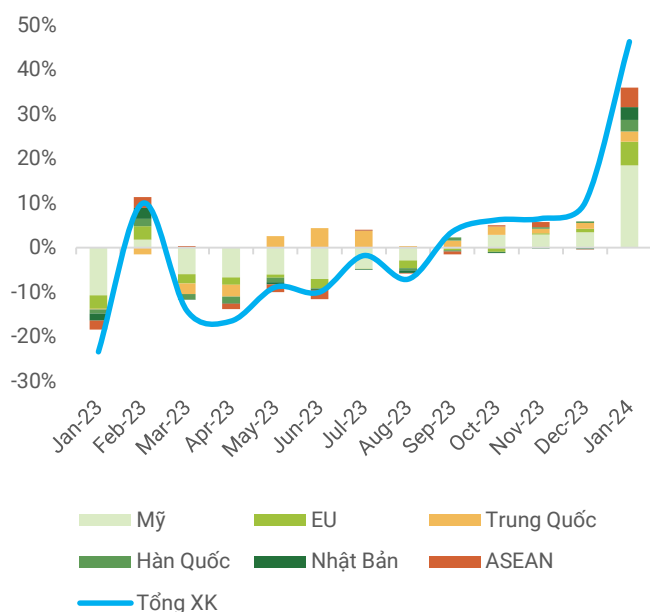
Hình 4: Tăng trưởng NK theo khu vực bình quân 3 tháng liền kề (%YoY)



Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

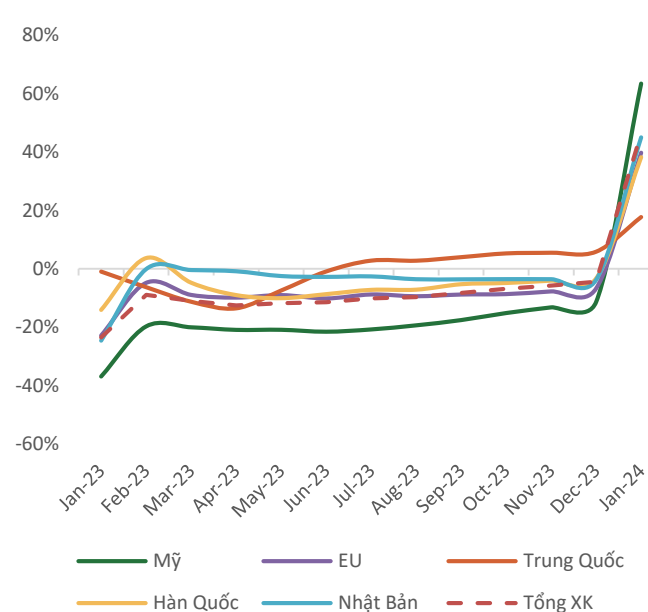
Xét về đối tác xuất khẩu: Thị trường Mỹ (tăng 63.4% so với cùng kỳ) và EU (tăng 39.7% YoY) là 2 thị trường đóng góp chính vào tăng trưởng xuất khẩu trong tháng 1. Mặc dù, tăng trưởng xuất khẩu lũy kế đến cuối năm 2023 ở hầu hết các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam vẫn còn ghi nhận mức tăng trưởng âm và chỉ mới tăng mạnh trong tháng 1 do yếu tố nền thấp nhưng chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng đang thực sự có sự hồi phục qua từng tháng (chi tiết trong Phụ lục 3). Ngoại trừ Trung Quốc, xuất khẩu sang các đối tác lớn của Việt Nam đều ghi nhận mức tăng trưởng 2 con số so với tháng trước mặc dù đã qua giai đoạn nhập khẩu đỉnh điểm, phục vụ cho các ngày lễ lớn trong năm của các nước phương Tây.

Hình 5: Đóng góp của các đối tác thương mại lớn trong tăng trưởng XK YoY



Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 6: Lũy kế tăng trưởng XK (YTD YoY)



Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

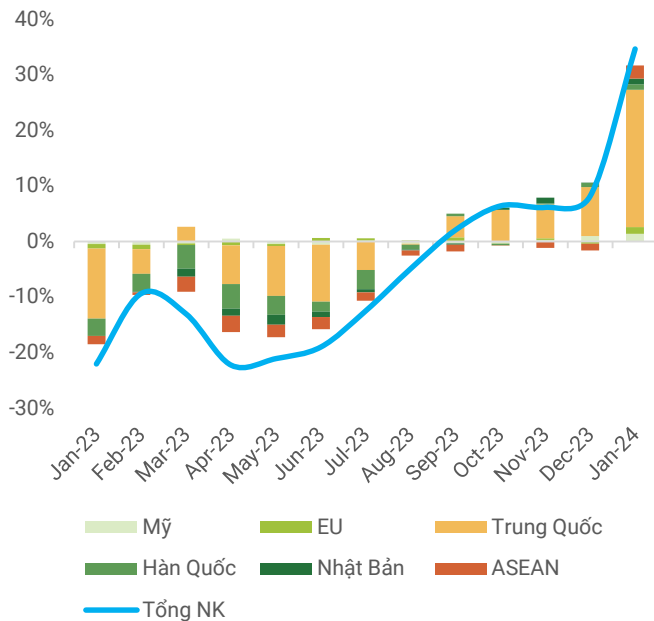
Bảng 2: Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu qua các đối tác thương mại chính so với tháng trước.

	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	Tỷ trọng	%MoM	Tỷ trọng	%MoM
Mỹ	29%	10.1%	4%	-1.4%
EU	13%	27.5%	4%	0.3%
Trung Quốc	13%	-18.7%	38%	15.0%
Hàn Quốc	7%	17.4%	14%	-10.6%
Nhật Bản	6%	11.4%	6%	3.5%
ASEAN	9%	12.3%	12%	-0.5%
Tổng	100%	7.7%	100%	4.3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

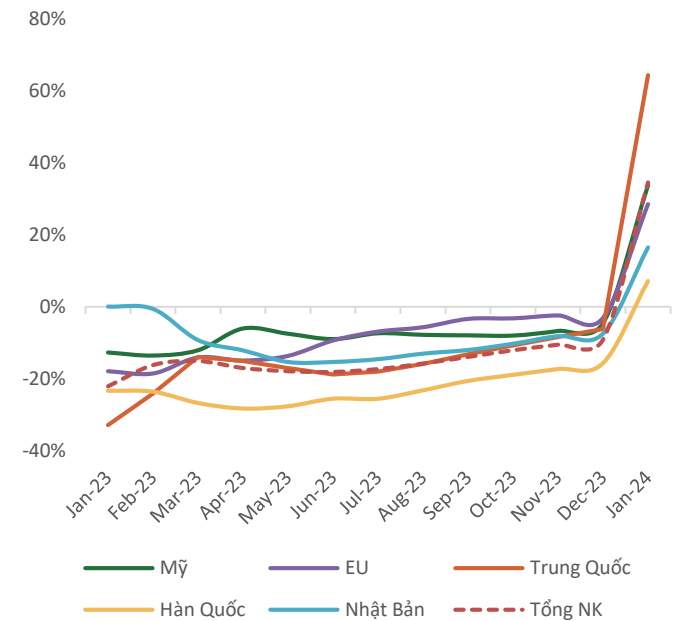
Tương tự đối với tình hình nhập khẩu, kim ngạch nhập khẩu đã ghi nhận mức tăng trưởng dương trở lại kể từ tháng 9, các doanh nghiệp bắt đầu có đơn đặt hàng mới phục vụ cho giai đoạn dịp lễ Tết cuối năm 2023 và đầu năm 2024. Tăng trưởng nhập khẩu trong tháng 1 chủ yếu đến từ sự đóng góp từ đối tác Trung Quốc (với mức tăng 64.4% YoY). So với tháng trước, nhu cầu nhập khẩu đến từ khu vực này cũng tăng 15%.

Hình 7: Đóng góp của các đối tác thương mại lớn trong tăng trưởng NK YoY



Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 8: Lũy kế tăng trưởng NK (YTD YoY)



Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Xét theo các mặt hàng chủ lực: Tiếp tục xu hướng tăng trưởng từ năm 2023 đến nay, các sản phẩm thuộc nhóm Nông lâm thủy sản, Đồ điện tử và Sắt thép kim loại dẫn đầu trong tăng trưởng xuất khẩu. Đặc biệt, xuất khẩu Nông lâm thủy sản đã duy trì mức tăng mạnh liên tục trong 10 tháng liên tiếp. Xuất khẩu gạo duy trì được đà tăng tính cực nhờ hưởng lợi từ giá gạo thế giới vẫn neo ở mức cao, mặc dù sản lượng gạo xuất khẩu trong nước đã bắt đầu giảm từ cuối tháng 5/2023. Ấn Độ vẫn duy trì lệnh cấm xuất khẩu gạo và nhiều nước, đặc biệt là Philippines, Malaysia, Singapore vẫn tiếp tục tăng nhu cầu nhập khẩu gạo của Việt Nam khi tỷ trọng nhập khẩu gạo Việt Nam của các nước này vẫn đang chiếm đầu đó lần lượt 80%, 34% và 23%. Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam có dấu hiệu chững lại ở nhiều phiên gần đây nhưng vẫn duy trì mức tăng tới 35.6% YoY (5% tằm) và tăng 37.6% YoY (25%

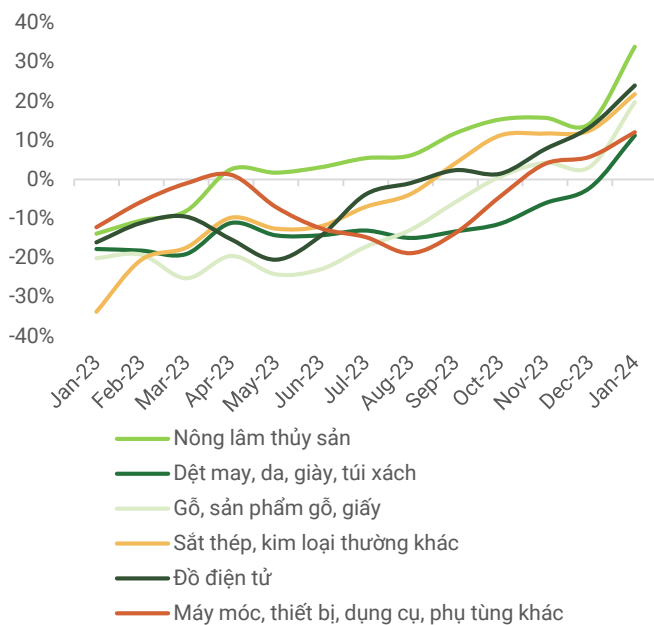
tấm). Chúng tôi cho rằng với bối cảnh hiện tượng El Nino kéo dài đến giữa năm nay sẽ khiến nguồn cung bị thu hẹp, nhu cầu thế giới cao hơn hoặc tương đương năm 2023 sẽ khiến duy trì mặt bằng giá gạo quanh mức cao. Với mục tiêu giữ vững diện tích 7.1 triệu hecta lúa trong năm 2024, sản lượng lúa thu hoạch trong năm nay đạt trên 43 triệu tấn. Việt Nam vẫn sẽ đảm bảo xuất khẩu trên 8 triệu tấn gạo (bằng với năm 2023).

Các mặt hàng nông sản khác cũng có lợi thế về giá trong năm nay như giá cà phê robusta của Việt Nam đã tăng tới 73.7% YoY, giá cao su thế giới tăng 44.2% YoY, giá hạt tiêu tăng 14.8% YoY,...Theo đó, chúng tôi cho rằng nhóm hàng hóa Nông sản sẽ tiếp tục là điểm sáng trong bức tranh xuất khẩu của Việt Nam ít nhất trong nửa đầu năm 2024.

Ngoài ra, chúng tôi cũng cho rằng các doanh nghiệp trồng cây công nghiệp lâu năm bao gồm tiêu, điều, cà phê, cao su sở hữu các chứng chỉ liên quan đến Quy định chống phá rừng (EUDR) của EU đầu tiên sẽ là những doanh nghiệp có lợi thế xuất khẩu về dài hạn sang khu vực này cũng như ra các nước tiên tiến khác trên thế giới khi xu hướng ESG đang được phổ biến và lan rộng.

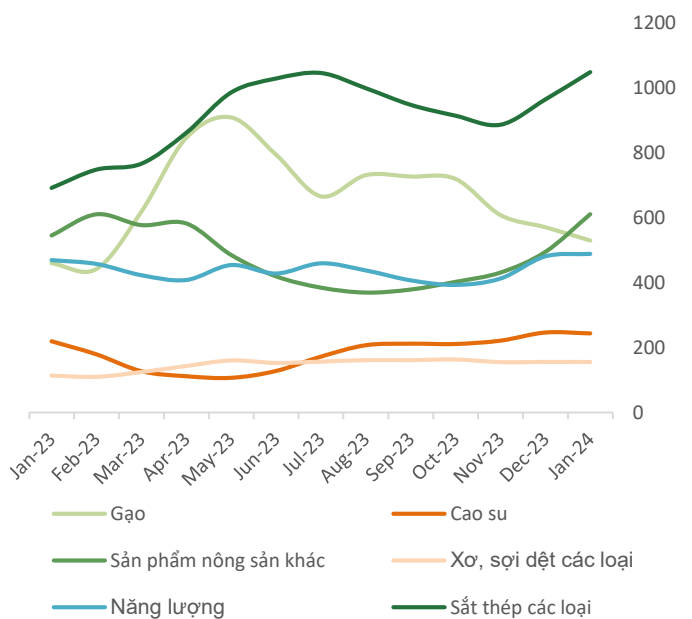
Xuất khẩu đồ điện tử trong tháng 1 tiếp tục tăng mạnh với hơn 11.75 tỷ USD, tăng 20.1% so với bình quân xuất khẩu hàng tháng trong năm 2023 và đây cũng là mức xuất khẩu hàng tháng cao nhất từ trước đến nay của nhóm hàng này. Dòng điện thoại Samsung S24 Ultra mới nhất của Samsung đã chính thức ra mắt trong tháng 1 đã liên tục thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu của nhóm này trong các tháng vừa qua. Dự kiến với việc Samsung sản xuất khoảng 50% sản lượng điện thoại thông minh toàn cầu của mình tại Việt Nam và theo quan sát của chúng tôi về độ ưa thích cũng như doanh số của sản phẩm này sau thời gian mở bán trên toàn cầu, chúng tôi tiếp tục kỳ vọng về các đơn đặt hàng của nhóm đồ điện tử trong các tháng tới.

Hình 9: Tăng trưởng XK bình quân của các mặt hàng chủ lực trong 3 tháng liền kề (% YoY)

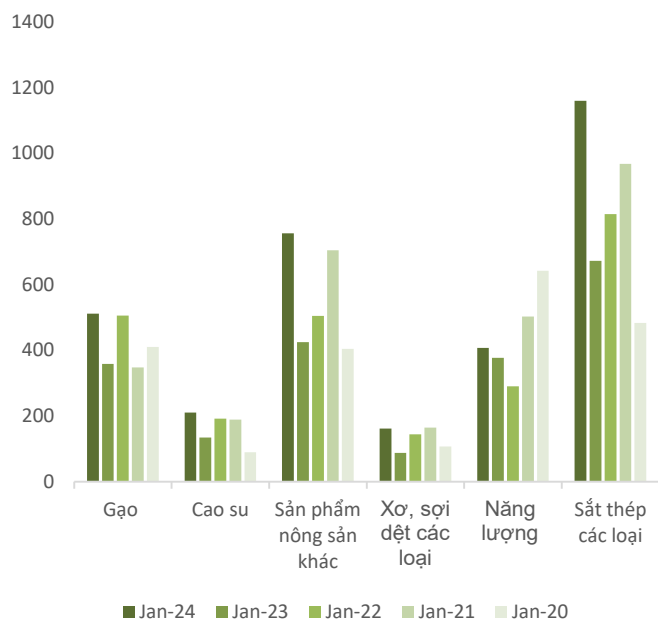


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

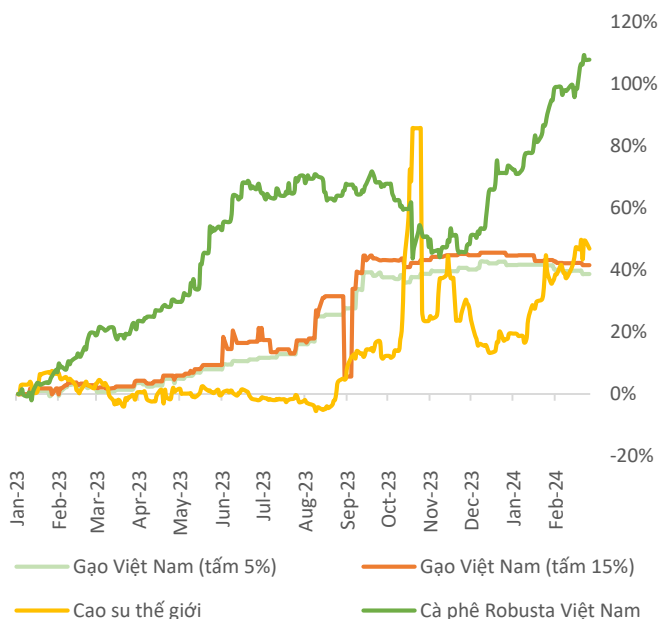
Hình 10: Sản lượng XK bình quân trong 3 tháng liền kề (nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 11: Sản lượng XK tính tới ngày 31/01 (nghìn tấn)


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 12: Tăng trưởng giá các mặt hàng nông sản so với đầu năm 2023.


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Tăng trưởng xuất khẩu của nhóm Sắt, thép cũng ghi nhận mức tăng trưởng hồi phục mạnh đi kèm với sản lượng cũng tăng cao. Tuy nhiên, giá thép vẫn đang dao động quanh mức thấp do những lo ngại xung quanh nhu cầu thấp ở nước tiêu dùng hàng đầu Trung Quốc. Mặc dù lượng thép tồn kho tại các kho lớn Trung Quốc vẫn còn cao hơn gấp 3 lần so với đầu năm nhưng đã giảm gần một nửa sau dịp Tết Nguyên đán. Hàng loạt các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ Trung Quốc bao gồm việc hạ 25 bps lãi suất LPR 5 năm và phê duyệt gần 125 tỷ CNY để hỗ trợ tài chính cho các nhà phát triển mắc nợ, đang là những động lực để cứu cánh cho thị trường Bất động sản của quốc gia này.

Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu còn lại cũng đều ghi nhận mức kim ngạch xuất khẩu tốt nhất trong một năm trở lại đây, bứt phá ngay trong tháng đầu tiên của năm 2024 (chi tiết trong Phụ lục 1).

Kim ngạch nhập khẩu tháng 1 cũng ghi nhận mức cao nhất trong một năm (Phụ lục 2), trong đó nhu cầu nhập khẩu Đồ điện tử tăng củng cố cho kỳ vọng của chúng tôi về tình hình đơn đặt hàng mới trong thời gian tới. **Ngoài ra, nhu cầu nhập khẩu xăng dầu cũng tăng trong tháng 1 do giá dầu thế giới tăng và nhu cầu trong nước tăng khi các hoạt động sản xuất, vận tải hồi phục.** Dự kiến, nhu cầu nhập khẩu xăng dầu sẽ tiếp tục tăng trong các tháng tiếp theo khi Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn bắt đầu cho đợt bảo dưỡng tổng thể lần thứ 5 từ ngày 15/3-1/5 (48 ngày). Đây sẽ là một trong những yếu tố có thể gây áp lực đến tỷ giá US\$VND trong giai đoạn này.

Với những kỳ vọng xuất khẩu tốt hơn trong tháng 1 từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan. Chúng tôi điều chỉnh dự báo cán cân thương mại tháng 2 sẽ thặng dư hơn 2 tỷ USD so với báo cáo gần nhất. Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu sẽ tốt hơn và kỳ vọng khả thi về mức tăng trưởng cả năm đạt 8% so với năm 2023 theo dự báo trước đó của PHS.

Phụ lục 1: Kim ngạch XK của các mặt hàng chính (triệu USD).

ĐVT: Tỷ USD	Jan-23	Feb-23	Mar-23	Apr-23	May-23	Jun-23	Jul-23	Aug-23	Sep-23	Oct-23	Nov-23	Dec-23	Jan-24
Tổng XK	23.6	26.0	29.7	27.9	28.1	29.5	30.7	32.7	30.8	32.5	31.1	32.1	34.5
Nông lâm thủy sản	1.7	2.3	2.9	2.7	2.9	2.9	2.6	2.9	2.8	2.9	2.8	3.0	3.3
Dệt may, da, giày, túi xách	4.3	4.6	5.2	5.4	5.8	5.8	6.2	6.3	4.8	5.3	5.7	5.8	6.2
Gỗ, sản phẩm gỗ, giấy	0.9	1.0	1.3	1.3	1.2	1.3	1.3	1.5	1.3	1.5	1.4	1.5	1.6
Sắt thép, kim loại thường khác	1.0	1.2	1.5	1.6	1.6	1.5	1.4	1.4	1.2	1.3	1.3	1.4	1.6
Đồ điện tử	8.7	8.5	9.6	8.4	7.9	9.5	10.0	11.2	11.4	11.4	10.5	10.4	11.7
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	2.9	3.4	3.6	3.4	3.3	3.2	3.6	3.6	4.1	4.5	3.9	3.9	4.0
Khác	4.1	5.0	5.6	5.2	5.3	5.3	5.8	5.9	5.2	5.7	5.6	6.0	6.1

Phụ lục 2: Kim ngạch NK của các mặt hàng chính (triệu USD).

ĐVT: Tỷ USD	Jan-23	Feb-23	Mar-23	Apr-23	May-23	Jun-23	Jul-23	Aug-23	Sep-23	Oct-23	Nov-23	Dec-23	Jan-24
Tổng NK	23.0	23.2	28.3	25.1	26.0	26.3	27.1	29.3	29.1	29.5	29.9	29.6	30.9
Nông lâm thủy sản	0.9	1.1	1.4	1.2	1.0	1.2	1.1	1.3	1.1	1.1	0.8	1.2	1.1
Đồ điện tử	7.7	6.8	7.8	7.0	7.0	7.7	8.5	9.6	9.9	9.9	9.8	9.3	9.9
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	2.7	2.9	3.6	3.3	3.6	3.4	3.6	3.7	3.6	3.6	3.8	3.9	4.0
Năng lượng	2.3	2.2	2.2	2.2	2.5	2.6	2.5	2.4	1.9	2.6	2.3	2.5	2.7
Dệt may, da, giày, túi xách	1.6	1.5	2.3	2.1	2.2	2.0	1.9	2.0	2.0	2.0	2.1	2.1	2.3
Sắt thép, kim loại thường khác	1.7	1.9	2.7	2.4	2.1	2.1	2.2	2.4	2.4	2.4	2.7	2.4	2.7
Hóa chất	1.4	1.7	2.1	1.8	2.0	1.8	1.8	2.0	2.0	2.0	2.1	2.0	2.0
Khác	4.6	5.1	6.2	5.2	5.5	5.5	5.5	5.9	6.2	5.9	6.4	6.2	6.2

Phụ lục 3: Kim ngạch XK sang các đối tác thương mại chính (triệu USD).

ĐVT: Tỷ USD	Jan-23	Feb-23	Mar-23	Apr-23	May-23	Jun-23	Jul-23	Aug-23	Sep-23	Oct-23	Nov-23	Dec-23	Jan-24
Tổng XK	23.6	26.0	29.7	27.9	28.1	29.5	30.7	32.7	30.8	32.5	31.1	32.1	34.5
Mỹ	6.2	6.9	7.7	7.9	7.7	8.1	8.7	9.0	8.1	9.0	8.6	9.1	10.1
EU	3.3	3.4	3.7	3.8	3.6	3.6	3.9	3.7	3.5	3.7	3.7	3.6	4.6
Trung Quốc	3.9	3.5	4.5	3.6	4.9	5.6	4.9	5.8	6.2	6.7	5.9	5.6	4.6
Hàn Quốc	1.7	2.1	2.1	1.7	1.6	1.9	2.1	2.4	2.2	2.0	1.8	2.0	2.3
Nhật Bản	1.5	1.8	2.0	2.0	1.8	2.0	2.0	2.2	1.9	2.0	2.1	2.0	2.2
ASEAN	2.2	2.8	3.1	2.7	2.7	2.5	2.9	3.0	2.5	2.6	2.8	2.8	3.2

Phụ lục 4: Kim ngạch NK sang các đối tác thương mại chính (triệu USD).

ĐVT: Tỷ USD	Jan-23	Feb-23	Mar-23	Apr-23	May-23	Jun-23	Jul-23	Aug-23	Sep-23	Oct-23	Nov-23	Dec-23	Jan-24
Tổng NK	23.0	23.2	28.3	25.1	26.0	26.3	27.1	29.3	29.1	29.5	29.9	29.6	30.9
Mỹ	0.9	0.9	1.2	1.3	1.3	1.2	1.2	1.1	1.1	1.1	1.2	1.3	1.2
EU	1.0	1.0	1.3	1.2	1.3	1.4	1.3	1.3	1.4	1.2	1.3	1.3	1.3
Trung Quốc	7.2	6.7	9.7	8.7	8.8	8.5	9.0	10.2	10.3	10.2	11.0	10.3	11.9
Hàn Quốc	3.9	3.8	4.6	3.8	4.1	4.1	4.2	4.9	4.9	4.8	4.7	4.7	4.2
Nhật Bản	1.7	1.9	1.7	1.7	1.4	1.8	1.7	2.0	1.8	2.0	2.0	1.9	2.0
ASEAN	3.0	3.4	3.7	3.2	3.3	3.4	3.3	3.5	3.2	3.7	3.5	3.6	3.6

Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Bùi Thị Quỳnh Nga, Chuyên viên cao cấp phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Miễn trừ trách nhiệm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Tổng cục Hải quaner Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,
107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 và 5, D&D Tower,
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận
3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân
Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,
Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận
Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải
Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801